TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Chuộng

2. Ông Bùi Quốc Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1992. (Chị Oanh ủy quyền cho anh H)

Đều có địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Anh H, có mặt, anh L, chị Oanh vắng mặt tại phiên tòa)

* Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1992

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988

Đều có địa chỉ: thôn K, xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Chị Trần Thị H, sinh năm 1993

4. Bà Trần Thị T, sinh năm 1973

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và anh Phạm Văn L có quan hệ quen biết, anh L có đặt vấn đề vay tiền để kinh doanh cùng gia đình, anh đồng ý. Ngày 30/4/2019 anh cho anh L vay của anh số tiền 80.000.000 đồng, hai bên viết giấy vay tiền đề ngày 30/4/2019, thời hạn vay là 01 tháng (30/5/2019), lãi suất là 1,5%/tháng. Việc vay tiền giữa anh và anh L có sự chứng kiến của anh Nguyễn Đức H và anh Phạm Văn T. Đến ngày 30/5/2019 đến hạn trả tiền theo giấy vay nợ mà không thấy anh L trả nên anh đã chủ động gọi cho anh L nhiều lần, nhưng anh L không nghe và cũng không trả tiền. Nay anh H đề nghị Tòa án nhân dân huyện K buộc anh Phạm Văn L phải trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 30/4/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn anh Phạm Văn L vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết. Song tại biên bản lấy lời khai của chị H trình bày: Chị là vợ anh L, việc anh Nguyễn Văn H kiện đòi anh L số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi chị xác định khi anh L vay tiền của anh H, anh L không bàn bạc và cũng không đưa tiền cho chị sử dụng mục đích chung gia đình. Tuy nhiên chị xác định chữ ký và chữ viết ghi trong giấy biên nhận đề ngày 30/4/2019 là chữ ký, chữ viết của anh L, anh L hiện đi đâu chị không rõ, nhưng anh L có điện thoại về nói có vay tiền của anh H, anh T để anh đi làm về sẽ trả dần. Chị H xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án gửi anh L. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết thì anh H và anh T có đến nhà tìm gặp gia đình chị. Gia đình đã thay mặt anh L bàn bạc hướng trả nợ với anh H và anh T là mỗi tháng trả từ 3-5 triệu đồng nhưng anh H và anh T không đồng ý.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/7/2019, bà T trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Phạm Văn L, bà có biết việc anh H kiện đòi nợ anh L. Song bà xác định việc anh L vay tiền là để chi tiêu cá nhân chứ không mang về để phục vụ cuộc sống gia đình nên không liên quan đến gia đình. Anh H và anh T có đến nói chuyện với gia đình về khoản tiền vay và tiền lãi cho anh L vay, bà cũng trao đổi với anh H và anh T là để anh L đi làm về trả dần. Tuy nhiên gia đình bà cũng mong muốn anh H và anh T thỏa thuận về phương thức trả nợ dần thì gia đình sẽ hỗ

trờ anh L trả mỗi tháng là 3-5 triệu đồng nhưng anh H và anh T không đồng ý nên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu anh Phạm Văn L phải trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 30/4/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án là ngày 24/9/2019.

Bị đơn anh Phạm Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn có quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 274, 278, 280, 351, 357, 385, 398, 463, 464, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị O, buộc anh Phạm Văn L phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị O số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,5%/tháng kể từ ngày 30/4/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án là ngày 24/9/2019 là 5.800.000 đồng.

Án phí: Trả lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp. Anh L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L không thi hành số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thẩm quyền giải quyết**: Xét thấy đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Văn L có đăng ký thường trú tại thôn Thái Mông, xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại các Điều 26, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]**Về tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Phạm Văn L tuy nhiên anh L vẫn vắng mặt không lý do trong quá trình giai quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt anh L.

[3]**Về nội dung:** Việc vợ chồng anh Nguyễn Văn H yêu cầu anh Phạm Văn L trả số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng từ ngày 30/4/2019 đến thời điểm Tòa án giải quyết xong vụ án thì thấy: Trong quá trình thu thập chứng cứ, lời khai của anh Nguyễn Văn H, người làm chứng và các tài liệu liên quan được thu thập có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định việc yêu cầu trên của anh H là hoàn toàn có căn cứ. Được thể hiện qua giấy vay tiền đề ngày 30/4/2019, trong giấy vay tiền có ghi rõ số tiền vay là 80.000.000 đồng, có thỏa thuận về lãi suất và hẹn ngày trả. Giấy vay tiền đều có anh Nguyễn Đức H và anh Phạm Văn Tiến ký mục người làm chứng, chị Trần Thị H (vợ của anh L), bà Trần Thị T (mẹ đẻ anh L) xác định chữ viết, chữ ký trong giấy vay nợ đề ngày 30/4/2019 là chữ ký, chữ viết của anh L. Xét thấy hợp đồng vay được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Xác định đây là hợp đồng vay tài sản là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Do vậy, căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H buộc anh L phải trả số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*", do vậy mức lãi suất mà nguyên đơn anh T yêu cầu là 1,5%/tháng là đảm bảo theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy anh L phải có trách nhiệm trả tổng số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/4/2019 đến ngày 24/9/2019 cho anh H là 5.800.000 đồng. Tổng tiền vay và tiền lãi suất là 85.800.000 đồng.

[3] **Về án phí:** Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự là 4.290.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 275, 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự._Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Buộc anh Phạm Văn L phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị O tổng số tiền là 85.800.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 80.000.000 đồng và số tiền lãi là 5.800.000 đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L không thi hành số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc anh Phạm Văn L phải nộp 4.290.000đ (Bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh H số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0007758 ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án huyện Kinh Môn.

Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 và điểm 4, 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn;
-Chi cục THA dân sự huyện Kinh Môn;
-Lưu: hồ sơ, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thụy